

Số: 48/QĐ-UBND

Huyện Dương Minh Châu, ngày 10 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phân khai kế hoạch vốn đầu  
tư xây dựng cơ bản năm 2020 - Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phân khai kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ mục tiêu cho các huyện, thành phố - Đợt 2;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 28/TTr-TCKH ngày 04/02/2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân khai kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 - Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu, cụ thể như sau:

**Tổng kế hoạch vốn phân khai: 92.828.000.000 đồng** (Chín mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu đồng), bao gồm:

- Nguồn ngân sách tập trung: 10.000.000.000 đồng để thực hiện các công trình hỗ trợ khác (Mã dự phòng: 200).

- Nguồn thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất 2019-2020: 15.000.000.000 đồng để thực hiện các công trình hỗ trợ khác (Mã dự phòng: 204).

- Nguồn xổ số kiến thiết: 67.828.000.000 đồng, trong đó:

+ Xây dựng nông thôn mới: 52.000.000.000 đồng (Mã CTMT: 00390, mã dự phòng: 205).

+ Hỗ trợ khác: 15.828.000.000 đồng (Mã dự phòng: 205).

(phụ lục phân khai chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Giao Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn đơn vị được phân bổ nguồn vốn tại Điều 1 thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các phòng, ngành huyện có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- TT.HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP và CVVP;
- Lưu: VT, VP. HĐND và UBND huyện.



Nguyễn Hoài Phương



**PHỤ LỤC**

**PHẠM KHAI TẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020 - NGUỒN TÍNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU**  
 (Kèm theo Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu) *Đvt: triệu đồng*



Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Địa điểm mở TK	Mã CTMT	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMDT/ Giá trị quyết toán	Trong đó Dự phòng phí	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 (ngân sách tỉnh)	Định mức vốn tính đầu tư	Lũy kế bố trí đến 31/12/2019	Kế hoạch 2020			Ghi chú	
														Tổng	NSTT	XSKT		
	<b>TỔNG</b>													92.828	10.000	67.828	15.000	
I	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới xã Phan													52.000		52.000		
	<b>Giáo dục</b>													24.320		24.320		
*	<b>Các dự án khởi công mới</b>													24.320		24.320		
1	Trường tiểu học và THCS xã Phan	BOLDA ĐTXD	Cải tạo: 1.182,5m <sup>2</sup> Xây mới: 1.240m <sup>2</sup>	Xã Phan	KBNN DMC	7801843	073	2019-2020	14.881	1.843		12.407		12.407		12.407		
2	Trường Mẫu Giáo xã Phan	BOLDA ĐTXD	966,1m <sup>2</sup>	Xã Phan	KBNN DMC	7800627	071	2019-2020	14.726	2.052		11.949		11.913		11.913		
*	<b>Văn hóa</b>													5.386		5.386		
	<b>Các dự án khởi công mới</b>													5.386		5.386		
1	Trung tâm văn hóa thể thao học tập cộng đồng	BOLDA ĐTXD	773m <sup>2</sup>	Xã Phan	KBNN DMC	7801029	161	2019-2020	4.100	24		3.753		3.753		3.753		
2	Nhà văn hóa áp + văn phòng áp Phước Tân 1	BOLDA ĐTXD	104m <sup>2</sup>	Xã Phan	KBNN DMC		161	2019-2020	500	14		340		340		340		
3	Nhà văn hóa áp + văn phòng áp Phước Tân 2	BOLDA ĐTXD	104m <sup>2</sup>	Xã Phan	KBNN DMC		161	2019-2020	500	14		340		340		340		
4	Nhà văn hóa áp + văn phòng áp Phước Tân 3	BOLDA ĐTXD	104m <sup>2</sup>	Xã Phan	KBNN DMC		161	2019-2020	400	11		272		272		272		
5	Nhà văn hóa áp + văn phòng áp Phước Long 1	BOLDA ĐTXD	104m <sup>2</sup>	Xã Phan	KBNN DMC		161	2019-2020	500	14		340		340		340		
6	Nhà văn hóa áp + văn phòng áp Phước Long 2	BOLDA ĐTXD	104m <sup>2</sup>	Xã Phan	KBNN DMC		161	2019-2020	500	14		340		340		340		
*	<b>Giao thông</b>													22.294		22.294		
	<b>Các dự án khởi công mới</b>													22.294		22.294		
1	Đường ĐH13 (nối dài)	BOLDA ĐTXD	3.518m nhựa	Xã Phan	KBNN DMC	7800626	292	2019-2020	9.144	682		6.770		6.770		6.770		
2	Đường ĐH 11	BOLDA ĐTXD	545m sỏi	Xã Phan	KBNN DMC	7799527	292	2019-2020	743	55		550		550		550		
3	Đường ĐH 14	BOLDA ĐTXD	1.082m nhựa	Xã Phan	KBNN DMC	7798671	292	2019-2020	3.940	294		2.917		2.917		2.917		
4	Đường số 3 áp Phước Tân 1	BOLDA ĐTXD	1.100m nhựa	Xã Phan	KBNN DMC	7798664	292	2019-2020	2.497	187		1.848		1.848		1.848		
5	Đường số 5 áp Phước Tân 1	BOLDA ĐTXD	2.331m sỏi	Xã Phan	KBNN DMC	7798666	292	2019-2020	3.033	226		2.246		2.246		2.246		
6	Đường số 10 áp Phước Tân 1	BOLDA ĐTXD	2.395m sỏi	Xã Phan	KBNN DMC	7798665	292	2019-2020	3.387	252		2.508		2.508		2.508		
7	Đường Đấp mới	BOLDA ĐTXD	4.220m sỏi	Xã Phan	KBNN DMC	7798679	292	2019-2020	4.226	315		3.129		3.129		3.129		
8	Đường Sơn Đỉnh 2	BOLDA ĐTXD	2.308m	Xã Phan	KBNN DMC	7799526	292	2019-2020	5.626	420		4.165		4.165		4.165		

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định Bàn tư/ Quyết toán	Năng lực thiết kế	Địa điểm	Địa điểm mở TK	Mã CTMT	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	TMĐT/ Giá trị quyết toán	Trong đó Dự phòng phí	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 (ngân sách tỉnh)	Định mức vốn tỉnh đầu tư	Lấy kế bố trí đến 31/12/2019	Kế hoạch 2020			Ghi chú		
																Tổng	NSTT	XSKT		Nguồn thu tiền sử dụng đất	
II	Hỗ trợ khác																				
	Các dự án chuyển tiếp																				
1	Đường nối trung tâm 2 xã Phước Ninh-Phước Minh (ĐH9)	BQLDA ĐTXD	490/QĐ-SKHBT 27/10/2017; 148/QĐ-SKHBT 22/7/2019	7.548m, sỏi đá	Phước Ninh - Phước Minh	KBNN DMC		7655641	292	2019 - 2020	21.358	530	21.320	21.320	10.000	5.328	5.328				
2	Kênh tiêu Bàu Cối - Kênh tẩy, Hàng mược, Bờ kè đưỡng và hạ lưu cầu xa cách (GD2)	BQLDA ĐTXD	4065/QĐ-UBND 26/10/2018	Bờ kè dài 348m, đưỡng giao thông 212m, rộng 7m	Thị trấn DMC	KBNN DMC		7726587	283	2018 - 2019	12.145	383	10.900	10.900	10.000	900	900				
	Các dự án khởi công mới																				
1	Bờ bao chống ngập tru sơ UBND xã Bàu Nặng	BQLDA ĐTXD	5034/QĐ-UBND 14/10/2019	1.245m	Xã Bàu Nặng	KBNN DMC		7790641	283	2019 - 2020	4.968	232	4.500	4.500	4.500	4.500	3.772	15.828	15.000	728	
2	Đường ĐH8 (điểm đầu DT784, điểm cuối bờ kênh Đông)	BQLDA ĐTXD	4067/QĐ-UBND 26/10/2018	3.283m nhựa	Xã Trường Mĩ	KBNN DMC			292	2019 - 2020	9.684	647	8.700	8.700		8.700				8.700	
3	Đường Suối Đà - Phan	BQLDA ĐTXD	4819/QĐ-UBND 27/9/2019	2.800m nhựa	Xã Suối Đà, Phan	KBNN DMC		7663291	292	2019 - 2020	11.307	538	10.200	10.200	10.200	10.200				4.628	5.572
4	Đường Lọc Tân - Suối Nhánh	BQLDA ĐTXD	4820/QĐ-UBND 27/9/2019	4.517m nhựa	Xã Lộc Ninh	KBNN DMC		7678799	292	2019 - 2020	12.395	312	11.200	11.200		11.200					